

Số: 87 /QĐ-CQLTT

Trà Vinh, ngày 30 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2023
của Cục Quản lý thị trường tỉnh Trà Vinh

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 20/2021/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 3696/QĐ-BCT ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thị trường tỉnh Trà Vinh trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường;

Căn cứ Quyết định số 2414/QĐ-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Định hướng chương trình kiểm tra năm 2023 của Tổng cục Quản lý thị trường;

Căn cứ công văn số 2586/TCQLTT-TTKT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường về việc phê duyệt Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2023 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Trà Vinh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2023 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Trà Vinh kèm theo Quyết định này.

Kế hoạch kiểm tra định kỳ được gửi cho cá nhân, tổ chức được kiểm tra theo kế hoạch thay cho thông báo (không bao gồm Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp, Trưởng phòng Thanh tra - Pháp chế, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 1, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 2, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 4 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục QLTT;
- UBND tỉnh Trà Vinh;
- Ban lãnh đạo Cục;
- Thanh tra Sở: Công Thương, Nông nghiệp và PTNT, KH&CN;
- Phòng KT/KTV và hạ tầng cấp huyện;
- Phòng Nông nghiệp; Phòng Y tế cấp huyện;
- Các Phòng, Đội; niêm yết tại Cơ quan;
- Trang thông tin điện tử của Cục;
- Lưu: VT, NV.

CỤC TRƯỞNG



Phạm Hoàng Việt

KẾ HOẠCH

Kiểm tra định kỳ năm 2023 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Trà Vinh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-CQLTT ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Trà Vinh)

I. CĂN CỨ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Căn cứ:

- Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020);
- Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;
- Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường
- Quyết định số 3696/QĐ-BCT ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thị trường tỉnh Trà Vinh trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường;
- Thông tư số 27/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 20/2021/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;
- Quyết định số 2414/QĐ-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt Định hướng chương trình kiểm tra năm 2023 của Tổng cục Quản lý thị trường;
- Căn cứ vào tình hình thị trường, yêu cầu công tác Quản lý thị trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và danh sách cụ thể tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân hoặc địa điểm, địa chỉ kinh doanh thuộc nhóm đối tượng được kiểm tra theo kế hoạch do Đội Quản lý thị trường số 1, Đội Quản lý thị trường số 2, Đội Quản lý thị trường số 4 rà soát, tổng hợp và đề xuất.

2. Mục đích:

- Nhằm bảo đảm sự tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá, rượu, mỹ phẩm, xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); phân bón, thức ăn thủy sản, hàng điện tử và các nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi Bộ Công Thương quản lý trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; đấu tranh có hiệu quả công tác phòng, chống các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, kinh doanh hàng hóa nhập lậu, sản xuất buôn bán hàng giả, vi phạm về nguồn gốc xuất xứ... góp phần phát triển sản xuất trong nước, bình ổn thị trường, mở rộng

giao lưu hàng hóa, dịch vụ; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh chân chính và người tiêu dùng.

- Đánh giá tình hình thực thi các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá, rượu, mỹ phẩm, xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); phân bón, thức ăn thủy sản, hàng điện tử và các nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi Bộ Công Thương quản lý; biểu dương kịp thời những nhân tố tích cực, chấn chỉnh ngay các yếu kém, sai sót và xử lý nghiêm các vi phạm đã được phát hiện; tổng kết đánh giá, hướng dẫn các Đội Quản lý thị trường trong công tác phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực nêu trên. Qua công tác kiểm tra định kỳ, thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến các tổ chức, cá nhân kinh doanh.

- Thông qua công tác kiểm tra phát hiện những bất cập trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền biện pháp khắc phục; phát huy nhân tố tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước.

3. Yêu cầu:

- Hoạt động kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Các hành vi vi phạm đều phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Công tác kiểm tra, xử lý phải gắn với công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho các đối tượng được kiểm tra.

- Việc kiểm tra không gây phiền hà, trở ngại cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; đảm bảo các hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp được diễn ra bình thường.

- Việc triển khai tổ chức kiểm tra có kế hoạch cụ thể, nội dung kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả; việc đánh giá, kết luận kiểm tra phản ánh thực tế khách quan, trung thực và đảm bảo công bằng.

- Nhận định, đánh giá phân tích những nội dung cần quan tâm trong chỉ đạo, điều hành quản lý nhà nước trong từng lĩnh vực; kiến nghị, đề xuất với cấp có thẩm quyền các giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

II. ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG, THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Đối tượng và địa bàn kiểm tra: 150 tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm thuốc lá, rượu, mỹ phẩm, xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); phân bón, thức ăn thủy sản, hàng điện tử và các nhóm sản phẩm thực phẩm thuộc phạm vi Bộ Công Thương quản lý trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (*Danh sách cụ thể tên, địa chỉ của các tổ chức, cá nhân được kiểm tra theo kế hoạch tại Phụ lục kèm theo*).

2. Nội dung kiểm tra

2.1 Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh sản phẩm thuốc lá:

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đăng ký kinh doanh; điều kiện kinh doanh.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về bán sản phẩm thuốc lá.
- Kiểm tra việc chấp hành quy định về nguồn gốc, xuất xứ; nhãn hàng hóa; các quy định về chất lượng hàng hóa đang kinh doanh.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ.
- Kiểm tra việc niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá niêm yết; việc dán tem đối với sản phẩm thuốc lá.

2.2 Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh rượu:

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đăng ký kinh doanh; điều kiện kinh doanh.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về bán sản phẩm rượu.
- Kiểm tra việc chấp hành quy định về nguồn gốc, xuất xứ; nhãn hàng hóa; các quy định về chất lượng hàng hóa đang kinh doanh (lấy mẫu để thử nghiệm chất lượng khi cần thiết).
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ.
- Kiểm tra việc niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá niêm yết; việc dán tem đối với sản phẩm rượu.

2.3 Đối với các tổ chức kinh doanh xăng dầu:

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đăng ký kinh doanh; điều kiện kinh doanh.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về đăng ký, mua, bán xăng dầu theo hệ thống phân phối; việc giao, nhận tổng đại lý, đại lý kinh doanh xăng dầu.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về ký hợp đồng mua, bán xăng dầu, hợp đồng làm thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu (nếu có).
- Kiểm tra việc niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá quy định; việc đăng ký thời gian bán hàng, niêm yết thời gian bán hàng.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về biển hiệu; sở hữu trí tuệ; các quy định về kinh doanh xăng dầu.
- Kiểm tra việc chấp hành quy định về nguồn gốc, xuất xứ xăng dầu; các quy định về đo lường, chất lượng trong hoạt động kinh doanh xăng dầu (lấy mẫu để thử nghiệm chất lượng khi cần thiết).

2.4 Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG):

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đăng ký kinh doanh; điều kiện kinh doanh.

- Kiểm tra việc thực hiện các quy định về kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng; việc thực hiện các quy định về điều kiện chai LPG, LPG chai lưu thông trên thị trường.

- Kiểm tra việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người kinh doanh khí; ghi chép sổ sách theo dõi, hóa đơn chứng từ theo quy định;

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ.

- Kiểm tra việc niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá quy định.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về nguồn gốc, xuất xứ; nhãn hàng hóa; các quy định về đo lường, chất lượng trong hoạt động kinh doanh LPG (nếu có).

2.5 Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh mặt hàng phân bón:

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đăng ký kinh doanh; điều kiện kinh doanh.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về buôn bán phân bón; các quy định về đo lường, chất lượng phân bón và các quy định có liên quan đến việc lưu thông hàng hóa trên thị trường.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về nguồn gốc, xuất xứ; nhãn hàng hóa (lấy mẫu để thử nghiệm chất lượng khi cần thiết); các quy định về sở hữu trí tuệ.

- Kiểm tra việc thực hiện niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá niêm yết.

2.6 Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh mặt hàng thức ăn thủy sản:

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đăng ký kinh doanh; điều kiện kinh doanh.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về buôn bán thức ăn thủy sản; các quy định về đo lường, chất lượng thức ăn thủy sản và các quy định có liên quan đến việc lưu thông hàng hóa trên thị trường.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về nguồn gốc, xuất xứ; nhãn hàng hóa (lấy mẫu để thử nghiệm chất lượng khi cần thiết).

- Kiểm tra việc thực hiện niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá niêm yết; các quy định về sở hữu trí tuệ.

2.7 Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh hàng mỹ phẩm:

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đăng ký kinh doanh.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về điều kiện buôn bán mỹ phẩm; các quy định có liên quan đến việc lưu thông mỹ phẩm trên thị trường.

- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về nguồn gốc, xuất xứ; nhãn hàng hóa; các quy định về sở hữu trí tuệ.

- Kiểm tra việc thực hiện niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá niêm yết.

2.8 Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh hàng điện tử:

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đăng ký kinh doanh.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về nguồn gốc, xuất xứ; nhãn hàng hóa; các quy định về quy chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa lưu thông trên thị trường.
- Kiểm tra việc niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá niêm yết.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ.

2.9 Đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc ngành Công Thương quản lý:

- Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đăng ký kinh doanh; điều kiện kinh doanh.
- Kiểm tra quy định về điều kiện chung bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh, bảo quản thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm; quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong kinh doanh thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm đã qua chế biến không bao gói sẵn và có bao gói sẵn;
- Kiểm tra quy định về tự công bố/dăng ký công bố sản phẩm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm; lấy mẫu kiểm nghiệm chất lượng, chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo quy định khi cần thiết.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về nguồn gốc, xuất xứ; nhãn hàng hóa.
- Kiểm tra việc niêm yết giá hàng hóa và bán theo giá niêm yết; các quy định về sở hữu trí tuệ; các quy định có liên quan đến việc lưu thông hàng hóa trên thị trường.

3. Thời gian thực hiện kế hoạch: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến hết ngày 20 tháng 10 năm 2023.

Căn cứ thời gian dự kiến giao nhiệm vụ kiểm tra theo từng tháng, Đội Quản lý thị trường số 1, Đội Quản lý thị trường số 2 và Đội Quản lý thị trường số 4 theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng, phân bổ thời gian kiểm tra cụ thể theo kế hoạch tuần cho đơn vị mình.

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Thành phần lực lượng kiểm tra

- Đơn vị chủ trì thực hiện Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2023 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Trà Vinh: Đội Quản lý thị trường số 1, Đội Quản lý thị trường số 2 và Đội Quản lý thị trường số 4.
- Cơ quan phối hợp: Tùy theo nội dung, mặt hàng kiểm tra, các Đội Quản lý thị trường phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thuộc địa bàn quản

lý hoặc thanh tra chuyên ngành, công an, chính quyền địa phương để tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung kế hoạch.

2. Phân công nhiệm vụ

- Đội Quản lý thị trường số 1, Đội Quản lý thị trường số 2 và Đội Quản lý thị trường số 4 căn cứ chức năng, nhiệm vụ và địa bàn được giao, cũng như nguồn nhân lực, vật lực hiện có, chủ động xây dựng thời gian kiểm tra tương ứng với số lượng tổ chức, cá nhân được kiểm tra, để đáp ứng thời gian thực hiện kế hoạch. Dự kiến số lượng tổ chức, cá nhân được kiểm tra theo kế hoạch là 150 vụ, phân công cụ thể theo tháng cho từng đơn vị phải thực hiện:

- + Đội Quản lý thị trường số 1 kiểm tra tổng số 50 cơ sở, 05 cơ sở/tháng;
- + Đội Quản lý thị trường số 2 kiểm tra tổng số 50 cơ sở, 05 cơ sở/tháng;
- + Đội Quản lý thị trường số 4 kiểm tra tổng số 50 cơ sở, 05 cơ sở/tháng.

- Phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp: Chịu trách nhiệm theo dõi tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch theo định kỳ và đột xuất (nếu có); tham mưu Cục trưởng xử lý các vụ việc vi phạm vượt quá thẩm quyền của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường.

- Phòng Tổ chức – Hành chính: Tham mưu cho Cục trưởng chuẩn bị các điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, ấn chỉ... phục vụ cho việc thực hiện Kế hoạch kiểm tra định kỳ của Cục Quản lý thị trường năm 2023.

- Phòng Thanh tra – Pháp chế: Tham mưu cho lãnh đạo Cục trong công tác giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính của các Đội Quản lý thị trường về thực hiện Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2023.

3. Kinh phí, phương tiện và các điều kiện khác phục vụ kiểm tra

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch kiểm tra định kỳ của Cục Quản lý thị trường tỉnh Trà Vinh được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và được dự toán trong phần kinh phí được duyệt hàng năm theo quy định.

- Các đơn vị chủ động sử dụng trang thiết bị, phương tiện làm việc đã được cấp và các điều kiện phục vụ kiểm tra khác để thực hiện Kế hoạch; xây dựng việc sử dụng cụ thể, chi tiết đối với từng vụ việc để đảm bảo tổ chức thực hiện có hiệu quả.

IV. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất.

- Kết thúc Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2023, các Đội Quản lý thị trường gửi có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo bằng văn bản gửi về phòng Nghiệp vụ - Tổng hợp trước ngày 25 tháng 10 năm 2023 để tổng hợp, báo cáo Tổng Cục trưởng Cục Quản lý thị trường và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Trong trường hợp đột xuất Đội trưởng Đội Quản lý thị trường chịu trách nhiệm báo cáo Cục



trường về kết quả thực hiện Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2023 ngay khi nhận được yêu cầu.

- Báo cáo phải nêu đầy đủ những nội dung sau: Đánh giá tình hình trong việc thực hiện kế hoạch; những việc chưa làm được, nguyên nhân, đề xuất cách xử lý; các vụ việc điển hình, đề xuất hình thức khen thưởng, kỷ luật với các tập thể, cá nhân trong khi thực hiện các nội dung Kế hoạch.

2. Đơn vị chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo: Phòng Nghiệp vụ Tổng hợp tham mưu Ban lãnh đạo Cục tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch về Tổng cục Quản lý thị trường trước ngày 05 tháng 11 năm 2023.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, các Đội Quản lý thị trường phản ánh kịp thời những vấn đề vướng mắc hoặc mới phát sinh tại địa bàn, có thể gây ảnh hưởng đến kế hoạch về lãnh đạo Cục năm, phối hợp xử lý./.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Danh sách Tổ chức, cá nhân dự kiến kiểm tra theo Kế hoạch định kỳ năm 2023

(Kèm theo Kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2023 của Cục Quản lý thi trường tỉnh Trà Vinh)

[illegible]

STT	Tên cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh	Ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh	Tổ chức	Cá nhân	Số GCNĐK..../ MSDN/GPTL	Địa chỉ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	điểm kiểm tra dự kiến (Tháng)	Ghi chú
7	Hộ kinh doanh Lý Thị Ba	Sản phẩm thuốc lá		X	58F8004576	Số 15, Khóm Minh Thuận A, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 3	
8	Hộ kinh doanh Trương Thị Tâm	Sản phẩm thuốc lá		X	58I8000191	Khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế thị xã Duyên Hải, Công an Thị xã Duyên Hải	Tháng 3	
9	Hộ kinh doanh Trần Thanh Lộc	Sản phẩm thuốc lá		X	58I8001463	Khóm 1, Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế thị xã Duyên Hải, Công an Thị xã Duyên Hải	Tháng 3	
10	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Út	Sản phẩm thuốc lá		X	58I8000308	Khóm 1, phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế thị xã Duyên Hải, Công an Thị xã Duyên Hải	Tháng 3	
11	Hộ kinh doanh Cóm Thị Như Ý	Sản phẩm thuốc lá		X	58H8003909	ấp Chợ, xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Duyên Hải, Công an huyện Duyên Hải	Tháng 3	
12	Hộ kinh doanh tạp hóa Hồng Sương	Sản phẩm thuốc lá		X	58H8004514	ấp Chợ, xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Duyên Hải, Công an huyện Duyên Hải	Tháng 4	
13	Hộ kinh doanh Võ Thị Mỹ Hằng	Sản phẩm thuốc lá		X	58H8004401	ấp La Bang Chợ, xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Duyên Hải, Công an huyện Duyên Hải	Tháng 4	
14	Hộ kinh doanh Huỳnh Thanh Hoàng	Sản phẩm thuốc lá		X	58E8000447	Khóm 3, thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Tiểu Cần	Tháng 10	

STT	Tên cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh	Ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh	Tổ chức	Cá nhân	Số GCNĐK...../MSDN/GPTL	Địa chỉ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	điểm kiểm tra dự kiến (Tháng)	Ghi chú
15	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Bạch	Sản phẩm thuốc lá		X	900572	Khóm 1, thị trấn Cầu Quan, huyện Tiều Cẩn, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Tiều Cẩn	Tháng 4	
16	Hộ kinh doanh Trần Văn Hiền	Sản phẩm thuốc lá		X	58E8001227	ấp Tân Thành Đông, xã Tân Hòa, huyện Tiều Cẩn, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Tiều Cẩn	Tháng 7	
17	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu Thủy	Sản phẩm thuốc lá		X	58E3000745	Khóm 4, thị trấn Cầu Quan, huyện Tiều Cẩn, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Tiều Cẩn	Tháng 7	
18	Hộ kinh doanh Diệp Khánh	Sản phẩm thuốc lá		X	58E8001538	Khóm 1, thị trấn Cầu Quan, huyện Tiều Cẩn, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Tiều Cẩn	Tháng 4	
19	Hộ kinh doanh Kim Thị Liễu Hạnh	Sản phẩm thuốc lá		X	58G8001559	Khóm 3, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Trà Cú	Tháng 7	
20	Hộ kinh doanh Kim Thị Hằng Ni	Sản phẩm thuốc lá		X	58G8004405	ấp Xoài Xiêm, xã Ngãi Xuyên, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Trà Cú	Tháng 8	
21	Công Ty TNHH Linh Mỹ	Sản phẩm thuốc lá	X		2100235785	Số 2A, Võ Thị Sáu, Khóm 3, Phường 3, thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế, Công an thành phố Trà Vinh	Tháng 02	
22	Doanh nghiệp tư nhân Tập Phát	Sản phẩm thuốc lá	X		2100104292	75, Trần Quốc Tuấn, Phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế, Công an thành phố Trà Vinh	Tháng 02	
23	Hộ kinh doanh Ngô Minh Mẫn	Sản phẩm thuốc lá		X	58C8000082	Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Châu Thành	Tháng 02	
24	Hộ kinh doanh Kiến Thị Thanh Tuyền	Sản phẩm thuốc lá		X	58C8000483	ấp Hương Phụ A, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Châu Thành	Tháng 3	
25	Hộ kinh doanh Lý Quang Minh	Sản phẩm thuốc lá		X	58C8000092	ấp Hòa Lạc C, xã Lương Hòa A, Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Châu Thành	Tháng 3	

STT	Tên cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh	Ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh	Tổ chức	Cá nhân	Số GCNĐK..../MSDN/GPTL	Địa chỉ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	điểm kiểm tra dự kiến (Tháng)	Ghi chú
26	Hộ kinh doanh Hồ Thị Kim Nga	Sản phẩm thuốc lá		X	58C8003732	ấp Cổ Tháp B, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Châu Thành	Tháng 3	
27	Hộ kinh doanh Thịnh Anh	Sản phẩm thuốc lá		X	58C8005130	ấp Kỳ La, xã Hòa Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Châu Thành	Tháng 3	
28	Hộ kinh doanh Lê Thị Hiếu	Sản phẩm thuốc lá		X	58C8002226	ấp Cây Dương, xã Thanh Mỹ, Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Châu Thành	Tháng 3	
29	Hộ kinh doanh Quang Thắng	Sản phẩm thuốc lá		X	58A8004478	Lê Văn Tám, phường 8, thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế, Công an thành phố Trà Vinh	Tháng 3	
30	Hộ kinh doanh Huỳnh Tấn Công	Sản phẩm thuốc lá		X	58B8000728	Khóm 1, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế, Công an thành phố Trà Vinh	Tháng 4	
31	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Sản phẩm thuốc lá		X	58B8002584	Khóm 1, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế, Công an thành phố Trà Vinh	Tháng 4	
32	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Hồng Cúc	Sản phẩm thuốc lá		X	58B8002430	Khóm 1, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế, Công an thành phố Trà Vinh	Tháng 4	
33	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Xuân Mai	Sản phẩm thuốc lá		X	58B8000827	Khóm 1, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Càng Long	Tháng 4	
34	Hộ kinh doanh Trần Thị Mười	Sản phẩm thuốc lá		X	58B8001735	Khóm 1, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Càng Long	Tháng 4	
35	Hộ kinh doanh Kim Hoanh	Sản phẩm thuốc lá		X	58B8000098	Khóm 1, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Càng Long	Tháng 5	

STT	Tên cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh	Ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh	Tổ chức	Cá nhân	Số GCNĐK...../MSDN/GPTL	Địa chỉ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	điểm kiểm tra dự kiến (Tháng)	Ghi chú
36	Hộ kinh doanh Thái Văn Hạnh	Sản phẩm thuốc lá		X	58B8000889	ấp Tân An Chợ, xã Tân An, huyện Cầu Long, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Cầu Long	Tháng 5	
37	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Kết	Sản phẩm thuốc lá		X	58B8001887	ấp Tân An Chợ, xã Tân An, huyện Cầu Long, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Cầu Long	Tháng 5	
38	Hộ kinh doanh Mai Văn Thôi	Sản phẩm thuốc lá		X	58B8000016	ấp Tân An Chợ, xã Tân An, huyện Cầu Long, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Cầu Long	Tháng 5	
III Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh xăng dầu										
39	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Hưng Phát thuộc Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Hưng Phát Trà Vinh	Xăng dầu	X		2100662586	ấp Mỹ Cẩm B, xã Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 4	
40	Cửa hàng xăng dầu Thiên Kiều, thuộc Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Thiên Kiều	Xăng dầu	X		2100336800	ấp Chà Và, xã Vĩnh Kim, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 4	
41	Cửa hàng xăng dầu Thành Châu, thuộc Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Thành Châu	Xăng dầu	X		2100189264	Khóm I, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 4	
42	Cửa hàng xăng Thanh Giang thuộc Doanh nghiệp tư nhân Thanh Giang	Xăng dầu	X		2100148927	Khóm Minh Thuận A, Thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 6	
43	Cửa hàng xăng dầu Ngọc dung, thuộc Doanh nghiệp tư nhân Trạm xăng dầu Ngọc Dung	Xăng dầu	X		2100324467	ấp Bông Ven, xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 6	

STT	Tên cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh	Ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh	Tổ chức	Cá nhân	Số GCNĐK...../MSDN/GPTL	Địa chỉ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	điểm kiểm tra dự kiến (Tháng)	Ghi chú
44	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Mai, thuộc Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Mai	Xăng dầu	X		2100250039	Khóm 3, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Thị xã Duyên Hải, Công an Thị xã Duyên Hải	Tháng 6	
45	Cửa hàng xăng dầu Bến Giá, thuộc Doanh nghiệp tư nhân xăng dầu Bến Giá	Xăng dầu	X		2100255044	ấp 11, xã Long Hữu, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Thị xã Duyên Hải, Công an Thị xã Duyên Hải	Tháng 6	
46	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Doanh nghiệp tư nhân Năm Lợi thuộc Doanh nghiệp tư nhân Năm Lợi	Xăng dầu	X		2100398282	ấp Giồng Giếng, xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Thị xã Duyên Hải, Công an Thị xã Duyên Hải	Tháng 6	
47	Cửa hàng xăng dầu Út Thích thuộc Doanh nghiệp tư nhân Út Thích	Xăng dầu	X		2100287825	ấp Thống Nhất, xã Long Toàn, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Thị xã Duyên Hải, Công an Thị xã Duyên Hải	Tháng 7	
48	Cửa hàng xăng dầu Dương Vĩnh Hiệp, thuộc Doanh nghiệp tư nhân Dương Vĩnh Hiệp	Xăng dầu	X		2100232382	ấp Thốt Lót, xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Duyên Hải, Công an huyện Duyên Hải	Tháng 7	
49	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Khánh Duy thuộc DNTN Khánh Duy	Xăng dầu	X		2100454988	ấp Dinh An, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Cầu Kè	Tháng 10	
50	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Thành Trung thuộc Công ty TNHH MTV xăng dầu Thành Trung TV	Xăng dầu	X		2100651136	ấp An Hòa, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Cầu Kè	Tháng 01	

STT	Tên cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh	Ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh	Tổ chức	Cá nhân	Số GCNĐK....../MSDN/GPTL	Địa chỉ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	điểm kiểm tra dự kiến (Tháng)	Ghi chú
51	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Cả Chương thuộc Công ty TNHH MTV TMDV Vương Ngọc Nguyên	Xăng dầu	X		2100660116	ấp Cả Chương, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Cầu Kè	Tháng 9	
52	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Trà Điều thuộc Công ty TNHH TM-DV Phát Đạt Trà Vinh	Xăng dầu	X		2100665996	ấp Trà Điều, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Cầu Kè	Tháng 8	
53	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Vạn Tiếp thuộc Công ty TNHH TMDV xăng dầu Vạn Tiếp	Xăng dầu	X		2100623971	ấp 1, xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Cầu Kè	Tháng 6	
54	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Trang Nhả thuộc Công ty TNHH xăng dầu Trang Nhả	Xăng dầu	X		2100653373	ấp Chông Nô 2, xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Cầu Kè	Tháng 5	
55	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Nguyễn Minh Ngọc thuộc Công ty TNHH MTV TMDV Nguyễn Minh Ngọc	Xăng dầu	X		2100644442	ấp 4, xã Thạnh Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Cầu Kè	Tháng 4	
56	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Sĩ Phương 2 thuộc DNTN Sĩ Phương	Xăng dầu	X		2100655194	ấp Kinh Xáng, xã Phong Phú, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Cầu Kè	Tháng 02	
57	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Hồng Phấn thuộc DNTN Hồng Phấn	Xăng dầu	X		2100518417	ấp Mỹ Văn, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Cầu Kè	Tháng 4	
58	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Uy Hoàng thuộc DNTN xăng dầu Uy Hoàng	Xăng dầu	X		2100634620	Khóm 5, thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Tiểu Cần	Tháng 3	
59	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Trúc Mai thuộc DNTN Thạch Thị Trúc Mai	Xăng dầu	X		2100639925	ấp Tân Trung Kinh, xã Hiếu Trung, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Tiểu Cần	Tháng 7	

STT	Tên cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh	Ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh	Tổ chức	Cá nhân	Số GCNĐK...../MSDN/GPTL	Địa chỉ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	điểm kiểm tra dự kiến (Tháng)	Ghi chú
60	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu số 55 thuộc Công ty xăng dầu Trà Vinh	Xăng dầu	X		00059	ấp Chợ, xã Tân Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Trà Cú	Tháng 3	
61	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Hai Hiệp thuộc DNTN Hai Hiệp	Xăng dầu	X		2100406871	Khóm 1, thị trấn Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Trà Cú	Tháng 4	
62	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Vạn Phúc thuộc Công ty TNHH MTV xăng dầu Vạn Phúc	Xăng dầu	X		2100636375	ấp Vàm, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Trà Cú	Tháng 5	
63	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Xoài Lơ thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần xăng dầu An Hữu Trà Vinh	Xăng dầu	X		00100	ấp Xoài Lơ, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Trà Cú	Tháng 6	
64	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu Tiến Phát 9 thuộc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tiến Phát	Dầu	X		00007	Khóm 3, thị trấn Định An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng, Chi cục Thuế huyện Trà Cú	Tháng 7	
65	Cửa hàng xăng dầu Quốc Bình thuộc Công Ty TNHH MTV Xăng Dầu Thu Thủy	Xăng dầu	X		2100517444	ấp Bến Có, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Càng Long	Tháng 5	
66	Cửa hàng xăng dầu Phú Vinh thuộc Công Ty TNHH XD Phú Vinh	Xăng dầu	X		2100637741	ấp Ninh Bình, xã Tân Bình, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Càng Long	Tháng 6	
67	Cửa hàng xăng dầu Quốc Hùng thuộc DNTN Quốc Hùng	Xăng dầu	X		2100108057	Khóm 1, phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế, Công an thành phố Trà Vinh	Tháng 6	
68	Cửa hàng xăng dầu thuộc DNTN Tân Tân	Xăng dầu	X		2100340532	39 Nguyễn Thiện Thành, khóm 4, phường 5, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế, Công an thành phố Trà Vinh	Tháng 6	

STT	Tên cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh	Ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh	Tổ chức	Cá nhân	Số GCNĐK...../MSDN/GPTL	Địa chỉ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	điểm kiểm tra dự kiến (Tháng)	Ghi chú
69	Cửa Hàng xăng dầu Huỳnh Loan thuộc DNTN Huỳnh Loan	Xăng dầu	X		2100608596	ấp Nê Có, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Châu Thành	Tháng 6	
70	Cửa hàng xăng dầu Hoàng Quân thuộc Công Ty TNHH MTV TM DV XD Hoàng Quân	Xăng dầu	X		2100623964	ấp Rạch Giữa, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Châu Thành	Tháng 6	
71	Cửa hàng xăng dầu Phai Trang thuộc Công Ty TNHH Xăng Dầu Phai Trang	Xăng dầu	X		2100664382	ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Châu Thành	Tháng 6	
IV	Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)									
72	Hộ kinh doanh Lâm Văn Thành	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58F8002047	Khóm Minh Thuận A, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 7	
73	Hộ kinh doanh Nguyễn Thành Luân	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58F8004536	Khóm Mỹ Cẩm A, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 7	
74	Hộ kinh doanh Trần Văn Đức	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58F8003647	Khóm 1, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 7	
75	Hộ kinh doanh Phạm Thị Kiều Linh	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58F8000737	ấp Long Hanh, xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 8	
76	Hộ kinh doanh Lê Văn Bền	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58I8000467	Khóm 1, Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế thị xã Duyên Hải, Công an thị xã Duyên Hải	Tháng 8	

STT	Tên cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh	Ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh	Tổ chức	Cá nhân	Số GCNĐK....../MSDN/GPTL	Địa chỉ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	điểm kiểm tra dự kiến (Tháng)	Ghi chú
77	Hộ kinh doanh Nguyễn Minh Chiến	Khi dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58H8000386	Khóm 1, Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế thị xã Duyên Hải, Công an thị xã Duyên Hải	Tháng 8	
78	Hộ kinh doanh Trương Thanh Trung	Khi dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58H8000094	Khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế thị xã Duyên Hải, Công an thị xã Duyên Hải	Tháng 8	
79	Hộ kinh doanh Hồ Văn Hiếu	Khi dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58H8000488	ấp Cây Da, xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Duyên Hải, Công an huyện Duyên Hải	Tháng 8	
80	Hộ kinh doanh Dương Minh Đức	Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58H8003628	ấp La Bang Chợ, xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Duyên Hải, Công an huyện Duyên Hải	Tháng 9	
81	Hộ kinh doanh Đỗ Chí	Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58H8003632	ấp Chợ, xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Duyên Hải, Công an huyện Duyên Hải	Tháng 9	
82	Hộ kinh doanh Quách Văn Cả	Khi dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58H8003637	ấp Chợ, xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Duyên Hải, Công an huyện Duyên Hải	Tháng 9	
83	Hộ kinh doanh Nguyễn Thành	Khi dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58H8004428	ấp Rọ Sậy, xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Duyên Hải, Công an huyện Duyên Hải	Tháng 9	
84	Hộ kinh doanh Nguyễn Quốc Khánh	Khi dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58E8001473	ấp Đại Mong, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Tiểu Cần	Tháng 4	

STT	Tên cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh	Ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh	Tổ chức	Cá nhân	Số GCNĐK....../MSDN/GPTL	Địa chỉ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	điểm kiểm tra dự kiến (Tháng)	Ghi chú
85	Hộ kinh doanh Trầm Tú Cảnh	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58G8001940	ấp Chợ, xã Tập Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Trà Cú	Tháng 3	
86	Hộ kinh doanh Trần Minh Phụng	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58G8004911	ấp Chợ, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Trà Cú	Tháng 4	
87	Hộ kinh doanh Tăng Trung	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58G8000600	ấp Chợ, xã Tập Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Trà Cú	Tháng 5	
88	Hộ kinh doanh: Bùi Trí Viễn	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58C8001768	ấp Thanh Nguyên B, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Châu Thành	Tháng 7	
89	Hộ kinh doanh Kiên Rिंग Tha	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58B8003665	ấp Nguyệt Lăng C, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Càng Long	Tháng 7	
90	Hộ kinh doanh Huỳnh Chánh	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58B8004674	ấp Chợ, xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Càng Long	Tháng 7	
91	Hộ kinh doanh Phạm Hải Tú Tâm	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	09/GCNDĐK-UBND	6/1B Châu Văn Tiếp, khóm 9, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế, Công an thành phố Trà Vinh	Tháng 7	
92	Hộ kinh doanh Hồng Phát	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	354/GCNDĐK-UBND	41 Phan Đình Phùng, khóm 2, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế, Công an thành phố Trà Vinh	Tháng 7	
93	Hộ kinh doanh Trần Thị Út Vàng	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58B8003987	ấp 9 C, xã An Trường A, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Càng Long	Tháng 7	
94	Hộ kinh doanh Tấn Vũ	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58C8004844	ấp Đầu Giồng A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Châu Thành	Tháng 8	
95	Hộ kinh doanh Nguyễn Phước Chung	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		X	58C8000381	ấp Đầu Giồng A, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế Hạ tầng, Công an huyện Châu Thành	Tháng 8	

[illegible]

STT	Tên cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh	Ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh	Tổ chức	Cá nhân	Số GCNĐK...../MSDN/GPTL	Địa chỉ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	điểm kiểm tra dự kiến (Tháng)	Ghi chú
105	Hộ kinh doanh Nguyễn Hồng Khoa	Phân bón		X	58F8002806	ấp Ô Răng, xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng NN & PTNT huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 9	
106	Hộ Kinh doanh Kiến Thanh Long	Phân bón		X	58F8003377	ấp Chông Vắn, xã Trường Thọ, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng NN & PTNT huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 10	
107	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Thuận	Phân bón		X	58F8004842	ấp Nô Lừa A, xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng NN & PTNT huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 10	
108	Hộ kinh doanh Từ Diệp	Phân bón		X	58F8001846	ấp Nô Lừa A, xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng NN & PTNT huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 10	
109	Hộ kinh doanh Nguyễn Phát Tài	Phân bón		X	58I8001497	Khóm 1, Phường 2, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế thị xã Duyên Hải, Công an thị xã Duyên Hải	Tháng 10	
110	Hộ kinh doanh Đặng Thị Ngọc Phượng	Phân bón		X	58D8000065	ấp 2, xã Phong Thạnh, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Nông Nghiệp huyện Cầu Kè	Tháng 5	
111	Hộ kinh doanh Liêu Thanh Dân	Phân bón		X	58D8000705	Khóm 1, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Nông Nghiệp huyện Cầu Kè	Tháng 6	
112	Hộ kinh doanh Trần Thị Yến	Phân bón		X	58E8000509	Khóm 1, thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Nông Nghiệp huyện Cầu Kè	Tháng 8	

STT	Tên cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh	Ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh	Tổ chức	Cá nhân	Số GCNĐK...../MSDN/GPTL	Địa chỉ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	điểm kiểm tra dự kiến (Tháng)	Ghi chú
113	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu Chuyển	Phân bón		X	58E8000049	ấp Phú Thọ II, xã Hiếu Trung, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Nông Nghiệp huyện Tiểu Cần	Tháng 8	
114	Hộ kinh doanh Trần An Ninh	Phân bón		X	58G8000366	ấp Chợ, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Nông Nghiệp huyện Trà Cú	Tháng 6	
115	Hộ kinh doanh Hồng Văn Thân	Phân bón		X	58G8001030	ấp Xoài Xiêm, xã Ngải Xuyen, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Nông Nghiệp huyện Trà Cú	Tháng 7	
VII Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh mặt hàng điện tử										
116	Hộ kinh doanh Trần Thị Ngọc Diễm	Hàng điện tử		X	58F8001900	Khóm II, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 02	
117	Hộ kinh doanh Liêu Tân	Hàng điện tử		X	58D8000054	Khóm 4, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Cầu Kè	Tháng 01	
118	Hộ kinh doanh Khru Minh Đạt	Hàng điện tử		X	58D8000681	Khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Cầu Kè	Tháng 02	
119	Hộ kinh doanh Trịnh Hữu Đức	Hàng điện tử		X	58D8000612	Khóm 5, thị trấn Cầu Kè, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Cầu Kè	Tháng 3	
120	Doanh nghiệp tư nhân Bích Thuyền	Hàng điện tử	X		2100576880	Khóm 4, thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Tiểu Cần	Tháng 9	
121	Hộ kinh doanh Ngô Thanh Tươi	Hàng điện tử		X	58E8002666	Khóm 1, thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Tiểu Cần	Tháng 10	
122	Hộ kinh doanh Lâm Văn Bền	Hàng điện tử		X	58E8001497	Khóm 3, thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Tiểu Cần	Tháng 9	
123	Công ty TNHH Điện Máy Nguyễn	Hàng điện tử	X		2100104454	30, Phạm Thái Bường, khóm 1, phường 3, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế, Công an thành phố Trà Vinh	Tháng 10	

STT	Tên cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh	Ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh	Tổ chức	Cá nhân	Số GCNĐK...../MSDN/GPTL	Địa chỉ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	điểm kiểm tra dự kiến (Tháng)	Ghi chú
124	Công ty TNHH Điện Máy Tháo	Hàng điện tử	X		2100257041	Số 12, Điện Biên Phủ, xóm 3, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế, Công an thành phố Trà Vinh	Tháng 10	
125	Công ty TNHH MTV Hùng Phước	Hàng điện tử	X		2100321642	Số 20-22 Điện Biên Phủ, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế, Công an thành phố Trà Vinh	Tháng 10	
126	Hộ kinh doanh Điện Máy Hữu Khanh	Hàng điện tử		X	58A8010769	Số 116, Nguyễn Đăng, xóm 8, Phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 4	Phòng Kinh tế, Công an thành phố Trà Vinh	Tháng 10	
VIII										
Tổ chức, cá nhân kinh doanh thức ăn thủy sản										
127	Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Nga	Thức ăn thủy sản		X	58F8000646	Khóm Minh Thuận B, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng NN & PTNT huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 10	
128	Hộ kinh doanh Trần Văn Đực	Thức ăn thủy sản		X	58F8000122	Khóm Minh Thuận A, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng NN & PTNT huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 5	
129	Hộ kinh doanh Đại lý thức ăn Tuấn Nghĩa	Thức ăn thủy sản		X	58I8001110	Khóm 2, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế thị xã Duyên Hải, Công an thị xã Duyên Hải	Tháng 5	
130	Công ty TNHH TM Hợp Tâm	Thức ăn thủy sản	X		2100558200	Khóm 2, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế thị xã Duyên Hải, Công an thị xã Duyên Hải	Tháng 5	
131	Công ty TNHH TM-DV Minh Kha TV	Thức ăn thủy sản	X		2100668644	Khóm Phước Trị, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế thị xã Duyên Hải, Công an thị xã Duyên Hải	Tháng 5	

STT	Tên cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh	Ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh	Tổ chức	Cá nhân	Số GCNĐK...../MSDN/GPTL	Địa chỉ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	điểm kiểm tra dự kiến (Tháng)	Ghi chú
132	Công ty TNHHHDV Minh Huy	Thực ăn thủy sản	X		2100634035	Số 39, Đường 19/5, khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Kinh tế thị xã Duyên Hải, Công an thị xã Duyên Hải	Tháng 10	
133	Hộ kinh doanh Lê Chí Được	Thực ăn thủy sản		X	58G8005147	ấp Kosla, xã Thanh Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Nông nghiệp huyện Trà Cú	Tháng 8	
134	Hộ kinh doanh Bùi Chí Công	Thực ăn thủy sản		X	58E8000493	Khóm 1, thị trấn Tiêu Cần, huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Nông nghiệp huyện Tiêu Cần	Tháng 10	
IX Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh các nhóm sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương										
135	Hộ kinh doanh Lý Trường Khoa	Thực phẩm		X	58F8002425	Khóm Minh Thuận A, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Y tế huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 01	
136	Hộ kinh doanh Văn Quốc Cường	Thực phẩm		X	58F8002657	Khóm Minh Thuận A, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Y tế huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 01	
137	Hộ kinh doanh Khru Như Phương	Thực phẩm		X	58F8002016	Khóm Minh Thuận A, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Y tế huyện Cầu Ngang, Công an huyện Cầu Ngang	Tháng 01	
138	Hộ kinh doanh Trần Thị Mộng Hiền	Thực phẩm		X	58I8000744	Khóm 2, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Y tế thị xã Duyên Hải, Công an thị xã Duyên Hải	Tháng 01	
139	Hộ kinh doanh Lâm Thanh Huy	Thực phẩm		X	58I8000221	Khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Y tế thị xã Duyên Hải, Công an thị xã Duyên Hải	Tháng 01	

STT	Tên cá nhân, tổ chức, địa điểm kinh doanh	Ngành nghề, mặt hàng sản xuất, kinh doanh	Tổ chức	Cá nhân	Số GCNĐK...../MSDN/GPTL	Địa chỉ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	điểm kiểm tra dự kiến (Tháng)	Ghi chú
140	Hộ kinh doanh Văn Phát Ngoan	Thực phẩm		X	58I8000709	Khóm 1, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Y tế thị xã Duyên Hải, Công an thị xã Duyên Hải	Tháng 02	
141	Hộ kinh doanh Ngô Hồng Phương	Thực phẩm		X	58I8000686	Khóm 2, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 1	Phòng Y tế thị xã Duyên Hải, Công an thị xã Duyên Hải	Tháng 02	
142	Hộ kinh doanh Trương Thanh Nhân	Thực phẩm		X	58E8002336	Khóm 1, thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Y tế huyện Tiểu Cần	Tháng 5	
143	Công ty TNHH MTV Phú Cần	Thực phẩm	X		2100102263	ấp Cây Hè, xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Y tế huyện Tiểu Cần	Tháng 6	
144	Hộ kinh doanh Ngô Huy Vũ	Thực phẩm		X	58G8000484	ấp Chợ, xã An Quảng Hữu, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Y tế huyện Trà Cú	Tháng 9	
145	Hộ kinh doanh: Lê Thị Nghi	Thực phẩm		X	58G8000159	ấp Chợ, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Y tế huyện Trà Cú	Tháng 9	
146	Hộ kinh doanh Phạm Đình Thủ	Thực phẩm		X	00067	ấp Chợ, xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Y tế huyện Trà Cú	Tháng 10	
147	Hộ kinh doanh Dư Thanh Tuyền	Thực phẩm		X	58G8005485	ấp Chợ, xã Tập Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Y tế huyện Trà Cú	Tháng 10	
148	Hộ kinh doanh Ngô Minh Tuấn	Thực phẩm		X	58G8003319	ấp Chợ, xã Phước Hưng, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Y tế huyện Trà Cú	Tháng 5	
149	Hộ kinh doanh Lê Thị Phương Thảo	Thực phẩm		X	58G8003759	Khóm 3, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Y tế huyện Trà Cú	Tháng 6	
150	Hộ kinh doanh Lê Trường An	Thực phẩm		X	58G8004871	Khóm 3, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh	Đội QLTT số 2	Phòng Y tế huyện Trà Cú	Tháng 8	